

PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

Phạm Phương Thảo^{1*}, Nguyễn Trọng Tài²

¹Khoa Kinh tế & QTKD, Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ

²Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội

Ngày nhận bài: 26/01/2021; Ngày chỉnh sửa: 15/3/2021; Ngày duyệt đăng: 19/3/2021

Tóm tắt

Việc thành lập các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) là một trong những giải pháp quan trọng đối với việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Phú Thọ là một tỉnh sớm hình thành và phát triển các KCN, CCN (từ những năm 1960). Trong những năm qua, tỉnh cũng đã rất nỗ lực trong việc xây dựng và phát triển các khu, cụm công nghiệp (KCN, CCN) và thu được một số kết quả khả quan. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: Quy hoạch còn lỏng lẻo, cơ sở hạ tầng các KCN, CCN chưa đồng bộ, thu nhập của người lao động ở một số ngành nghề chưa ổn định; chưa có đủ hệ thống xử lý nước thải,... Nghiên cứu này được thực hiện nhằm làm rõ tình hình phát triển các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn 2015-2020, từ đó chỉ ra những mặt còn hạn chế và đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh việc phát triển các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, 2030.

Từ khóa: Phát triển, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, Phú Thọ.

1. Đặt vấn đề

Phú Thọ là một tỉnh sớm hình thành và phát triển các khu công nghiệp trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (từ những năm 1960). Hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) cũng khá ổn định, nhiều doanh nghiệp đã mở rộng quy mô sản xuất, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các KCN, CCN đạt gần 43.500 tỷ đồng tăng 9% so với năm 2019; tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 3.500 triệu USD tăng 105% so với năm 2019; tổng nộp ngân sách nhà nước đạt 600 tỷ đồng, bằng 40% so với năm 2019; thu hút và tạo việc làm cho hơn 43.860 lao động tăng 3,2% so với cùng kỳ; thu nhập bình quân người lao động đạt gần

6,8 triệu đồng/người/tháng, bằng 100% thu nhập so với năm 2019 [1].

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong những năm qua hoạt động phát triển các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: Quy hoạch còn lỏng lẻo, cơ sở hạ tầng các KCN, CCN chưa đồng bộ, thu nhập của người lao động ở một số ngành nghề chưa ổn định; chưa có đủ hệ thống xử lý nước thải,... Những vấn đề này đã và đang làm cản trở kết quả hoạt động của các KCN, CCN tỉnh Phú Thọ nói riêng và sự phát triển kinh tế toàn tỉnh nói chung. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh gay gắt trong thu hút vốn đầu tư giữa các quốc gia trong khu vực và giữa các tỉnh, vùng trong cả nước đã đặt ra một bài toán là làm thế nào để phát triển các KCN, CCN tỉnh Phú Thọ

*Email: phamphuongthao@hvu.edu.vn

đúng hướng, đạt kết quả cao và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xã hội của toàn tỉnh.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp hệ thống hóa: Phương pháp này được sử dụng nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận về KCN, CCN và các nội dung phát triển các KCN, CCN.

- Phương pháp thu thập số liệu: Nghiên cứu thu thập số liệu từ các nguồn có sẵn như: Số liệu thống kê của Ban quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ, các báo cáo hội thảo tổng kết hoạt động phát triển các KCN của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các luận án, luận văn và bài báo khoa học.

- Phương pháp phân tích, thống kê và so sánh: Phương pháp này sử dụng một số tiêu chí để đánh giá thực trạng phát triển các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, từ đó rút ra được những thành tựu cũng như là những mặt còn hạn chế trong công tác phát triển các KCN, CCN.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Một số khái niệm cơ bản

3.1.1. Khái niệm khu, cụm công nghiệp

- Khu công nghiệp:

Trên thế giới đã có nhiều định nghĩa về KCN được đưa ra bởi các nhà kinh tế học: “KCN là một vùng đất được quy hoạch, được phát triển và chia ra thành các mảnh đất theo một quy hoạch tổng thể, có hoặc không có các nhà xưởng được xây dựng trước, có hoặc không có công trình hỗ trợ dùng chung, là nơi tập trung các cơ sở công nghiệp”[2], “Khu công nghiệp (Industrial Parks hay Industrial Zones) là các địa điểm sản xuất rộng lớn. Một số khu đa chức năng tương tự như khu thương mại tự do, khu chế xuất, đặc khu kinh tế đã tách ra nhưng thường hoạt động ở quy mô nhỏ hơn. Các KCN thường cung cấp một loạt các ưu đãi và lợi ích” [3].

Ở Việt Nam, KCN được hiểu là: “Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý

xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định này” [4].

Từ các định nghĩa, quy định ở trên có thể thấy quan niệm về KCN thường được hiểu là một khu đất được phân chia và phát triển có hệ thống theo một kế hoạch tổng thể nhằm cung cấp địa điểm cho các ngành công nghiệp tương hợp với hạ tầng cơ sở, các tiện ích công cộng, các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ.

- Cụm công nghiệp:

“CCN là một khu vực tập trung các doanh nghiệp, cụ thể là các doanh nghiệp vừa và nhỏ cùng ngành, theo một khu vực địa lý, cùng sản xuất và bán các loại hàng hóa phụ trợ có liên quan đến nhau và do đó cũng gặp các khó khăn và thuận lợi tương tự nhau” [5].

Tại Việt Nam thì: “Cụm công nghiệp là nơi sản xuất, thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống, được đầu tư xây dựng nhằm thu hút, di dời các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác vào đầu tư sản xuất kinh doanh” [6].

3.1.2. Quan điểm về phát triển khu công nghiệp

Nghiên cứu của Furman và Michael E. Porter cho rằng để phát triển các KCN, CCN thì cần phải quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng [7]. Nghiên cứu khác của Robert Holländer và Xiaobo Zhang thì tập trung vào làm rõ làm thế nào để đầu tư phát triển các KCN, CCN hiệu quả và phát triển bền vững. Các nghiên cứu này đã chỉ ra để đầu tư phát triển các KCN, CCN có hiệu quả trước tiên phải chú trọng đến công tác quy hoạch KCN, CCN, vị trí xây dựng KCN, CCN và sau đó là tiến hành đầu tư hạ tầng KCN, CCN đồng bộ và có các cơ chế chính sách hấp dẫn để thu hút vốn, lấp đầy KCN, CCN [8]. Nghiên cứu của Phan Mạnh Cường đã phân tích, đánh giá thực trạng phát triển bền vững các khu công nghiệp của tỉnh Thái Nguyên trên cả 3 nội dung: kinh tế, xã hội và môi trường [9].

Từ các quan điểm và kết quả nghiên cứu trước, trong phạm vi nghiên cứu này, quan điểm về phát triển của tác giả được thể hiện trên ba nội dung cơ bản là: Phát triển cơ sở hạ tầng các KCN, CCN; Phát triển sản xuất kinh doanh trong KCN, CCN và Phát triển nhân lực.

3.1.3. Nội dung phát triển các khu, cụm công nghiệp

(1) Phát triển cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp:

Cơ sở hạ tầng các KCN, CCN bao gồm: Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cơ sở hạ tầng xã hội.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật: Cơ sở hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào và cơ sở hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào.

+ Phát triển cơ sở hạ tầng trong hàng rào: Là hoạt động kinh doanh mà các nhà đầu tư hạ tầng KCN, CCN thuê đất của Nhà nước hoặc tham gia liên doanh với Việt Nam. Các doanh nghiệp này tiến hành đền bù, giải phóng, san lấp mặt bằng, xây dựng nhà xưởng, tư vấn, xử lý chất thải,... và có trách nhiệm bảo đảm sự hoạt động của các công trình hạ tầng trong suốt thời gian hoạt động.

+ Phát triển cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào KCN, CCN: Là việc đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, cầu, cảng, hệ thống cấp điện, cấp nước, bưu chính viễn thông. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào KCN, CCN là yếu tố quan trọng để hấp dẫn các nhà đầu tư. Các công trình này phải đầu nối với các công trình bên ngoài KCN, CCN.

- Phát triển hạ tầng xã hội: Phát triển cơ sở hạ tầng xã hội là việc xây dựng hệ thống nhà ở, bệnh viện, trường học, trung tâm thương mại, chợ, khu vui chơi giải trí... để đảm bảo cuộc sống của người lao động làm việc tại các KCN, CCN.

(2) Phát triển sản xuất kinh doanh trong KCN, CCN:

Phát triển sản xuất kinh doanh trong KCN, CCN là việc các doanh nghiệp thuê lại đất trong KCN, CCN của các doanh nghiệp phát triển hạ tầng, xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy

móc thiết bị để tiến hành sản xuất kinh doanh. Nguồn vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh trong KCN, CCN gồm nguồn vốn đầu tư trong nước và nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

(3) Các hoạt động phát triển khác:

- Phát triển nguồn nhân lực trong các KCN, CCN là việc nâng cao chất lượng và quản lý nguồn nhân lực phù hợp với định hướng thu hút đầu tư, quy hoạch phát triển các KCN, CCN, tạo sự hợp lý giữa cung - cầu lao động; nâng cao nhận thức về chất lượng nguồn nhân lực trong các KCN, CCN, hoàn thành quy hoạch các cơ sở đào tạo nghề gắn với các KCN, CCN.

- Bảo vệ môi trường: Các KCN, CCN muốn phát triển bền vững, ngoài việc đầu tư cho kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội, đầu tư phát triển nguồn nhân lực, đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN, CCN thì đầu tư cho bảo vệ môi trường là một hoạt động không thể thiếu. Đó là hoạt động đầu tư xây dựng hệ thống phòng và chống ô nhiễm môi trường do các doanh nghiệp công nghiệp hoạt động trong KCN gây ra.

3.2. Tình hình phát triển các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

3.2.1. Khái quát về các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Năm 1997, KCN Thụy Vân - Phú Thọ được thành lập và từ đó cho đến nay, trên địa bàn tỉnh đã có 7 KCN được Chính phủ phê duyệt với tổng diện tích quy hoạch 2.127,3 ha và 25 CCN (trong đó có 2 CCN trọng điểm Bạch Hạc và Đông Lạng) với tổng diện tích quy hoạch 1.100 ha. Trong phạm vi nghiên cứu này nhóm tác giả chỉ lựa chọn tập trung vào các KCN và 2 CCN trọng điểm vì đây là 2 CCN được Chính phủ giao cho Ban quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ quản lý, mặt khác, xét về quy mô và tính chất hoạt động, chính sách thu hút và ưu đãi đầu tư của 2 CCN này tương tự với các KCN trên địa bàn.

Bảng 1. Tình hình các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

| STT | Tên KCN, CCN | DT quy hoạch (ha) | DT đất CN có thể cho thuê (ha) | DT đất đã cho thuê (ha) | Tổng VĐT đăng ký | | | Tỷ lệ lấp đầy (%) | Số dự án đăng ký |
|-------------|--------------|-------------------|--------------------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------|-----------------------|-------------------|------------------|
| | | | | | DDI (tỷ đồng) | FDI (triệu USD) | FDI quy đổi (tỷ đồng) | | |
| I | | | | | Khu công nghiệp | | | | |
| 1 | Thụy Vân | 335,00 | 290,80 | 287,39 | 10.105,82 | 611,02 | 14.056,52 | 98,80 | 102 |
| 2 | Phú Hà | 356,29 | 244,87 | 71,57 | 1.730,00 | 285,46 | 6.567,01 | 29,23 | 23 |
| 3 | Trung Hà | 136,00 | 103,02 | 46,83 | 2.333,02 | - | - | 45,46 | 13 |
| 4 | Tam Nông | 350,00 | - | - | - | - | - | - | - |
| 5 | Hạ Hòa | 400,00 | - | - | - | - | - | - | - |
| 6 | Cẩm Khê | 450,00 | 346,19 | 33,63 | 2.552,88 | 72,96 | 1.678,44 | 9,72 | 16 |
| 7 | Phù Ninh | 100,00 | - | - | - | - | - | - | - |
| II | | | | | Cụm công nghiệp trong điểm | | | | |
| 1 | Bạch Hạc | 79,5 | 44,8 | 42,99 | 3.945,14 | 2,00 | 46,01 | 81,0 | 12 |
| 2 | Đông Lang | 41,7 | 41,7 | 21,0 | 35,00 | 70,48 | 1.621,39 | 50,36 | 17 |
| Tổng | | 2.231,19 | 1.050,68 | 503,41 | 20.701,86 | 1.041,92 | 23.969,37 | 47,91 | 183 |

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của Ban quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ 2015-2020)

Ghi chú: KCN: khu công nghiệp, CCN: Cụm công nghiệp; DT: diện tích; CN: Công nghiệp; DDI: đầu tư trực tiếp trong nước; FDI, đầu tư trực tiếp nước ngoài; VĐT: vốn đầu tư. Tỷ lệ lấp đầy = DT đất đã cho thuê/DT đất CN có thể cho thuê. (*FDI quy đổi theo tỷ giá USD ngày 31/12/2020 = 23.005 VND).

Hiện nay trên tổng số 7 KCN đã được Chính phủ phê duyệt thì có 4 KCN đã đi vào hoạt động (KCN Thụy Vân, KCN Trung Hà, KCN Phú Hà, KCN Cẩm Khê) với 183 dự án đầu tư còn hiệu lực, trong đó có 96 dự án đầu tư trong nước, 87 dự án FDI. Tổng vốn đầu tư đăng ký lũy kế tính đến 31/12/2020 là 20.701,86 tỷ đồng và 1.041,92 triệu USD (tương đương 23.969,37 tỷ đồng). Tỷ lệ lấp đầy các KCN Thụy Vân, Phú Hà, Trung Hà, Cẩm Khê lần lượt là: 98,8%; 29,23%; 45,46%; 9,72%, còn CCN Bạch Hạc, Đông Lang thì đạt tỷ lệ lấp đầy cao hơn (81%, 50,36%). Các loại hình dự án đầu tư vào các KCN chủ yếu là: Sản xuất vật liệu xây dựng (xi măng, gạch men, gạch không nung, gỗ ván ép); cơ khí, điện tử, sợi, dệt, nhuộm; may

mặc, bao bì, các sản phẩm từ nhựa; hóa chất ngành giấy (keo AKD, tinh bột biến tính); bao cao su; găng tay y tế,...

3.2.2. Phát triển hạ tầng các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

- Về vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ:

Trong giai đoạn 2015-2020, nguồn vốn đầu tư dành cho phát triển cơ sở hạ tầng các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ có xu hướng tăng đều qua các năm, lũy kế đến năm 2020 vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng các KCN, CCN đạt 5.003,89 tỷ đồng, trong đó tổng vốn thực hiện là 1.162,24 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân bình quân là 23,23%.

Bảng 2. Vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

| STT | Khu, cụm công nghiệp | Nhà đầu tư | Vốn đầu tư đăng ký (tỷ đồng) | Vốn đầu tư thực hiện (tỷ đồng) | Tỷ lệ giải ngân (%) |
|-------------|----------------------|--------------------|------------------------------|--------------------------------|---------------------|
| 1 | Thụy Vân | PTHHT KCN nhà nước | 411,22 | 323,51 | 78,67 |
| 2 | Trung Hà | PTHHT KCN nhà nước | 226,38 | 72,19 | 31,89 |
| 3 | Cẩm Khê | Ao Vua Đức Anh | 2.477,90 | 370 | 14,93 |
| 4 | Phú Hà | Viglacera | 1.730 | 320 | 18,50 |
| 5 | Bạch Hạc | PTHHT KCN nhà nước | 158,39 | 76,54 | 48,32 |
| Tổng | | | 5.003,89 | 1.162,24 | 23,23 |

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của Ban quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ 2015-2020)

Ghi chú: PTHHT: phát triển hạ tầng; KCN: khu công nghiệp. Tỷ lệ giải ngân = VĐT thực hiện/VĐT đăng ký

Cơ cấu vốn đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ chủ yếu là nguồn vốn trong nước (chiếm từ 78-96%), trong đó phần lớn là vốn ngân sách địa phương và của các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng trong nước. Mặc dù nguồn vốn cho đầu tư cơ sở hạ tầng các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ liên tục tăng lên qua các năm nhưng so với vốn đăng ký đầu tư ban đầu thì tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn này vẫn còn khá thấp (bình quân 23,23%). Nguyên nhân một phần là do đặc điểm địa bàn tỉnh Phú Thọ là vùng miền núi và trung du nên chi phí san lấp mặt bằng bình quân cao hơn so với các KCN, CCN vùng đồng bằng. Do đó một số dự án chưa thực hiện được do chậm trễ trong khâu giải phóng mặt bằng như dự án hạ tầng ở KCN Cẩm Khê. Bên cạnh đó, do nguồn vốn đầu tư từ ngân sách còn hạn chế, việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng lại đòi hỏi vốn lớn, dẫn đến tiến độ đầu tư KCN, CCN từ vốn NSNN chậm, kéo dài, tỷ lệ giải ngân hàng năm thấp.

- Về tình hình phát triển hạ tầng kỹ thuật, xã hội các KCN, CCN:

- Hạ tầng giao thông: Trong giai đoạn 2015-2020, nhiều hạng mục công trình hạ tầng giao thông đã được triển khai và hoàn thành. Trong đó hoàn thành cơ bản về hạ tầng giao thông của dự án KCN Thụy Vân mở rộng (giai đoạn II, III), hoàn thiện hệ thống giao thông tại các KCN Trung Hà, KCN Phú Hà, CCN Đồng Lạng và CCN Bạch Hạc. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạng mục dang dở do thiếu vốn đầu tư như: Đường giao thông N₃ KCN Trung Hà, đường ngang từ KCN Thụy Vân sang Thanh Đình, đường giao thông tuyến S đến 2,...

- Hạ tầng điện: Về cơ bản các KCN, CCN đang hoạt động (KCN Thụy Vân, Trung Hà, Phú Hà và CCN Đồng Lạng, Bạch Hạc) đã cơ bản được lắp đầy đủ hệ thống điện chiếu sáng, song song với đó các đơn vị phụ trách

thi công hạ tầng cũng thường xuyên kiểm tra, duy tu, cải tạo để hệ thống truyền tải điện được đồng bộ và đảm bảo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong các KCN, CCN.

- Hệ thống cấp nước: Các KCN, CCN được đầu tư hoàn chỉnh với hệ thống ống dẫn từ nơi cung cấp đến từng nhà máy đảm bảo cung cấp đầy đủ áp lực và lưu lượng nước cần thiết cho nhu cầu phát triển sản xuất và sinh hoạt.

- Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải: Mặc dù đã được chú trọng đầu tư nhưng tính cho đến nay ngoài KCN Thụy Vân đã hoàn thành hệ thống xử lý nước thải tập trung và đưa vào sử dụng thì hầu hết các KCN, CCN còn lại đang hoạt động trên địa bàn đều chưa được đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung mà mới chỉ có hệ thống thu gom nước mặt, nước thải sinh hoạt. Điều này đã dẫn đến hệ lụy không nhỏ là gây ô nhiễm cho môi trường xung quanh, đặc biệt là các hộ dân sống xung quanh các KCN, CCN.

- Hệ thống thông tin liên lạc: Hiện tại trên địa bàn tỉnh nói chung và tại các KCN, CCN nói riêng, tất cả các dịch vụ bưu chính viễn thông với chất lượng cao đã được hòa mạng bưu chính viễn thông quốc gia, đảm bảo liên lạc thông suốt trên toàn quốc.

- Hệ thống nhà ở cho người lao động: Phú Thọ là địa phương quy hoạch xây dựng phát triển các KCN, CCN khá sớm, tuy nhiên cũng giống như phần lớn địa phương khác trong cả nước, tỉnh chưa giải quyết được vấn đề nhà ở cho công nhân. Mặc dù đã có các quy định của Chính phủ, của tỉnh về các chính sách hỗ trợ, phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, tuy nhiên do quy mô và vốn đầu tư khu nhà ở công nhân lớn, khả năng thu hồi vốn chậm, hiệu quả đầu tư thấp, việc tiếp cận vốn vay ngân hàng khó khăn nên rất ít doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân. Trong khi đó, nguồn ngân sách của tỉnh hạn chế nên việc hỗ trợ và thực hiện các ưu đãi đối với dự án là rất khó khăn.

3.2.3. Thực trạng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Lũy kế đến 31/12/2020 thì tỉnh Phú Thọ đã thu hút được tổng cộng 183 dự án đầu

tu trong đó có 96 dự án đầu tư trong nước (DDI), vốn đăng ký: 20.701,86 tỷ đồng và 87 dự án đầu tư nước ngoài (FDI), vốn đăng ký: 1.041,92 triệu USD.

Bảng 3. Số dự án và vốn đăng ký đầu tư theo từng KCN, CCN

| Khu, cụm công nghiệp | Số dự án | | Vốn đăng ký | | Vốn thực hiện | | Tỷ lệ VDK/VTH | |
|----------------------|-----------|-----------|------------------|-----------------|------------------|---------------|---------------|--------------|
| | DDI | FDI | DDI (Tỷ đồng) | FDI (USD) | DDI (Tỷ đồng) | FDI (USD) | DDI (%) | FDI (%) |
| Thụy Vân | 67 | 35 | 10.105,82 | 6110,2 | 5.999,56 | 294,21 | 59,37 | 4,82 |
| Trung Hà | 13 | - | 2.333,02 | - | 986,67 | - | 42,29 | - |
| Phú Hà | 1 | 22 | 1.730,00 | 285,46 | 370,00 | 68,50 | 21,39 | 24,00 |
| Cẩm Khê | 2 | 14 | 2.552,88 | 72,96 | 245,00 | - | 9,60 | - |
| Bạch Hạc | 11 | 1 | 3.945,14 | 2,00 | 1.748,70 | - | 44,33 | - |
| Đồng Lạng | 2 | 15 | 35,00 | 70,48 | 35,00 | 64,46 | 100,00 | 91,46 |
| Tổng | 96 | 87 | 20.701,86 | 1.041,92 | 9.384,93 | 427,17 | 45,33 | 41,00 |

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của Ban quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ 2015-2020)

Ghi chú: DDI: đầu tư trực tiếp trong nước; FDI: đầu tư trực tiếp nước ngoài; VDK: vốn đăng ký; VTH: vốn thực hiện.

Xét trên tổng 7 KCN và 2 CCN trọng điểm đã được phê duyệt quy hoạch theo quyết định của Chính Phủ thì số dự án đầu tư tập trung nhiều nhất vẫn là ở KCN Thụy Vân (67 dự án DDI và 35 dự án FDI), là một trong những KCN được thành lập sớm nhất (1997), sau đó là CCN Đồng Lạng (2003) và CCN Bạch Hạc (2005). Trong giai đoạn 2014-2016 thì có thêm 3 KCN được thành lập đó là Phú Hà, Trung Hà và Cẩm Khê. Mặc dù KCN Phú Hà và Trung Hà cũng đã xây dựng và hoàn thiện được các hạ tầng cơ bản nhưng nhìn chung cơ sở hạ tầng còn chưa đồng bộ, chưa thực sự thuận lợi cho

sản xuất kinh doanh nên chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư lớn và các nhà đầu tư tiềm năng, chủ yếu là các dự án với quy mô nhỏ. KCN Cẩm Khê đã xây dựng cơ bản hoàn thành hạ tầng kỹ thuật giai đoạn I và bước đầu thu hút được nhiều dự án đầu tư đặc biệt là các dự án FDI. Tuy nhiên, nhìn chung tỷ lệ vốn thực hiện trên vốn đăng ký ở các KCN, CCN vẫn còn khá thấp.

Xét theo vùng lãnh thổ, tính đến 31/12/2020 có tất cả 5 quốc gia đã tham gia đầu tư vào các KCN, CCN tỉnh Phú Thọ, chi tiết số dự án và vốn đăng ký được thể hiện qua bảng 4.

Bảng 4. Số vốn và dự án đầu tư theo vùng, lãnh thổ

| KCN, CCN | Hàn Quốc | | Mỹ | | Trung Quốc | | Nhật Bản | | Singapore | | Việt Nam | |
|-------------|--------------------|-----------|--------------------|----------|--------------------|-----------|--------------------|----------|--------------------|----------|---------------------|-----------|
| | Vốn ĐK (tr.USD) | Số ĐA | Vốn ĐK (tr.USD) | Số ĐA | Vốn ĐK (tr.USD) | Số ĐA | Vốn ĐK (tr.USD) | Số ĐA | Vốn ĐK (tr.USD) | Số ĐA | Vốn ĐK (tỷ đồng) | Số ĐA |
| Thụy Vân | 575,91 | 30 | - | - | 35,12 | 5 | - | - | - | - | 10.105,82 | 67 |
| Trung Hà | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 2.333,02 | 13 |
| Phú Hà | 216,92 | 16 | 4,95 | 1 | 34,10 | 3 | 29,50 | 2 | - | - | 1.730,00 | 1 |
| Cẩm Khê | 46,26 | 10 | - | - | 26,70 | 4 | - | - | - | - | 2.552,88 | 2 |
| Bạch Hạc | - | - | - | - | 2,00 | 1 | - | - | - | - | 3.945,14 | 11 |
| Đồng Lạng | 40,98 | 13 | - | - | 12,50 | 1,00 | - | - | 17,00 | 1 | 35,00 | 2 |
| Tổng | 880,06 | 69 | 4,95 | 1 | 110,42 | 14 | 29,50 | 2 | 17,00 | 1 | 20.701,86 | 96 |

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của Ban quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ 2015-2020)

Qua bảng 4 ta thấy các dự án đầu tư vào các KCN, CCN tỉnh Phú Thọ chiếm phần lớn là các dự án đầu tư trong nước (96 dự án tương ứng với tỷ trọng 52,46% trên tổng số dự án thu hút đầu tư), các nhà đầu tư nước ngoài chiếm 47,54% trên tổng số dự án đầu tư. Trong số các nhà đầu tư nước ngoài vào đây thì các nhà đầu tư đến từ Hàn Quốc chiếm tỷ trọng cao nhất với tổng số 69 dự án đầu tư (37,7%) tương ứng với số vốn đăng ký là 880,06 triệu USD, trong đó tập trung chủ yếu ở KCN Thụy Vân và KCN Phú Hà. Ngoài ra thì có 14 dự án đầu tư của Trung Quốc (tương ứng với số vốn đầu tư là 110,42 triệu USD), 2 dự án đầu tư của Nhật

Bản (29,5 triệu USD), 1 dự án đầu tư của Mỹ (4,95 triệu USD) và 1 dự án đầu tư của Singapore (17 triệu USD). Như vậy ngoài Hàn Quốc thì các quốc gia khác đầu tư vào các KCN, CCN tỉnh Phú Thọ còn rất ít.

Để phát triển các KCN, CCN thì bên cạnh việc thu hút các dự án và vốn đầu tư vào phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh thì cũng cần phải duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp từ đó gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp. Bảng 5 dưới đây phản ánh tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trong KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Bảng 5. Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trong KCN, CCN

| KCN, CCN | Sản xuất kinh doanh | | Khó khăn | | Dừng sản xuất kinh doanh | | Xây dựng cơ bản | | Chuẩn bị đầu tư | |
|-------------|---------------------|-----------|----------|----------|--------------------------|----------|-----------------|-----------|-----------------|----------|
| | DDI | FDI | DDI | FDI | DDI | FDI | DDI | FDI | DDI | FDI |
| Thụy Vân | 53 | 33 | 5 | - | 2 | - | 3 | 1 | 4 | 1 |
| Trung Hà | 11 | - | - | - | - | - | 1 | - | 1 | - |
| Phú Hà | - | 13 | - | - | - | - | 1 | 8 | - | 1 |
| Cẩm Khê | - | 4 | - | - | - | - | 2 | 9 | - | 1 |
| Bạch Hạc | 8 | - | 1 | - | - | - | 2 | - | - | 1 |
| Đồng Lạng | 2 | 14 | - | 1 | - | - | - | - | - | - |
| Tổng | 74 | 64 | 6 | 1 | 2 | 0 | 9 | 18 | 5 | 4 |

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của Ban quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ 2015-2020)

Hết tháng 12/2020 thì tổng số dự án đang đầu tư trong các KCN, CCN tỉnh Phú Thọ là 183 dự án, trong đó có 87 dự án FDI và 96 dự án DDI. Trong 183 dự án thì có 138 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường (chiếm 75,41%), 7 dự án đang gặp khó khăn về sản xuất kinh doanh (3,83%), 2 dự án đã bị dừng sản xuất kinh doanh (1,09%), 27 dự án đang trong quá trình xây dựng cơ bản (14,75%) và 9 dự án đang chuẩn bị được đầu tư trong giai đoạn tới (4,92%). Để có thể nắm bắt được tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, các dự án tại các KCN, CCN thì Ban quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ cũng thường xuyên tiến hành rà soát, phân loại các dự án. Một số công ty có hoạt động sản xuất

kinh doanh tốt, đóng góp cho ngân sách địa phương nhiều như: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Thọ; Công ty Xăng dầu, dầu khí Phú Thọ; Công ty CP gạch men Tasa; Công ty CP CMC; Công ty TNHH Cosmos,...

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có những doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, có dấu hiệu khó khăn hay đang gặp khó khăn. Đặc biệt trong năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng nghiêm trọng, nhất là trong tháng 4, 5. Một số doanh nghiệp đã phải tạm dừng hoạt động, cho người lao động nghỉ, ngừng việc để tìm giải pháp khắc phục khó khăn, phục hồi sản xuất.

Kết quả của việc phát triển các KCN, CCN cũng được phản ánh phần nào qua kết quả sản xuất kinh doanh mà các doanh nghiệp trong KCN, CCN mang lại. Kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2015-2020 nói chung được thể hiện qua bảng 6.

Có thể thấy việc phát triển các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (mở rộng về

quy mô, gia tăng về số lượng dự án và vốn đầu tư,...) cùng với hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định của các doanh nghiệp trong KCN, CCN đã có ảnh hưởng tích cực tới kết quả sản xuất kinh doanh và làm gia tăng tổng doanh thu cho các KCN, CCN. Nộp ngân sách cũng tăng lên và đặc biệt là dù trong bối cảnh dịch bệnh khó khăn vẫn duy trì được mức lương ổn định cho người lao động.

Bảng 6. Kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2015-2020

| Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 |
|------------------------|------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 18.356 | 20.022 | 22.100 | 32.520 | 38.090 | 43.500 |
| Giá trị xuất khẩu | Triệu USD | 620 | 650 | 780 | 1.068 | 3.330 | 3.500 |
| Nộp ngân sách | Tỷ đồng | 970 | 1.021 | 1.293 | 1.600 | 1.500 | 600 |
| Lao động | Người | 28.950 | 31.060 | 33.538 | 38.000 | 42.000 | 43.860 |
| Thu nhập bình quân NLD | Triệu đ/ng/tháng | 5,0 | 5,5 | 5,8 | 5,5 | 6,8 | 6,8 |

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của Ban quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ 2015-2020)

3.2.4. Các hoạt động phát triển khác

Ngoài phát triển cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất kinh doanh trong các KCN, CCN thì hoạt động phát triển các KCN, CCN còn bao gồm: Phát triển nguồn nhân lực và bảo vệ môi trường,...

- Phát triển nhân lực: Trong giai đoạn 2015-2020 số lượng lao động làm việc tại các KCN, CCN tỉnh Phú Thọ liên tục tăng lên đạt gần 43.860 lao động vào năm 2020. Trong gần 43.860 lao động thì lao động nữ chiếm 30.702 người (70%), trình độ đại học, cao đẳng chiếm 5,78% còn lại hơn 90% là lao động phổ thông. Thu nhập bình quân/người/tháng tăng từ 5 triệu đồng/tháng năm 2015 lên 6,8 triệu đồng/tháng năm 2020. Trong giai đoạn này cũng có 3 KCN được thành lập mới đó là KCN Phú Hà (2014), Trung Hà (2015) và KCN Cẩm Khê (2017) nên cần bổ sung thêm nhiều lực lượng lao động, đặc biệt là nguồn lao động có tay nghề cao.

Do đó bên cạnh việc nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở đào tạo nghề, bản thân các doanh nghiệp cũng rất chú trọng đến việc tự đào tạo người lao động tại chính doanh nghiệp.

- Bảo vệ môi trường các KCN, CCN: Trong giai đoạn 2015-2020, Ban quản lý các KCN, CCN đã khẩn trương đôn đốc xây dựng hệ thống xử lý nước thải và chất thải tập trung tại các KCN, CCN. Năm 2018 đã hoàn tất việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho KCN Thụy Vân và vận hành ổn định, chất lượng nước thải đầu ra nằm trong giới hạn cho phép theo quy định. Trạm đã vận hành xử lý 859.035 m³ nước thải đạt chuẩn cột A; lũy kế số nước thải đã xử lý từ khi đưa nhà máy vào hoạt động đến nay là 3.304.530 m³. Như vậy tính đến cuối năm 2020 đã có KCN Thụy Vân, KCN Phú Hà và CCN Đồng Lạng là đã có hệ thống xử lý nước thải và đã đi vào hoạt động. Còn 2 KCN Cẩm Khê, Trung Hà và CCN Bạch Hạc thì đang kêu gọi nhà đầu tư. Do một nửa

các KCN, CCN trên địa bàn chưa có hệ thống xử lý nước thải và chất thải tập trung nên việc quản lý, quan trắc chất lượng nước thải ở các KCN, CCN này gặp phải rất nhiều khó khăn, đồng thời cũng gây ra tình trạng ô nhiễm nguồn nước ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân các khu vực lân cận.

3.3. Đánh giá chung về phát triển các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

3.3.1. Kết quả đạt được

Một là, việc quy hoạch phát triển các KCN, CCN đã góp phần đổi mới môi trường đầu tư trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Tính đến hết tháng 12/2020, tỉnh Phú Thọ có 4/7 KCN đã được thành lập và đi vào hoạt động và thu hút các dự án đầu tư thứ cấp. Tỷ lệ lấp đầy đạt từ 20-100% ở các KCN, CCN đã hoạt động ổn định.

Hai là, các KCN, CCN đã thu hút được một lượng vốn lớn vào đầu tư cơ sở hạ tầng và sản xuất kinh doanh. Lũy kế đến tháng 12/2020, tổng số dự án thu hút đầu tư vào các KCN, CCN tỉnh Phú Thọ là 183 dự án (96 dự án đầu tư trong nước và 87 dự án đầu tư nước ngoài). Tổng số vốn đầu tư đăng ký lũy kế đạt 20.701,86 tỷ đồng (trong nước chiếm 52,46%, nước ngoài chiếm 47,54%). Để đạt được kết quả này, chính quyền địa phương cùng với Ban quản lý các KCN, CCN đã rất tích cực trong việc thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư, đa dạng hóa đầu tư bằng nhiều hình thức.

Ba là, các KCN, CCN đã thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp, tăng doanh thu và kim ngạch xuất khẩu, đóng góp không nhỏ cho ngân sách nhà nước. Giá trị sản xuất công nghiệp của các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ tăng lên đáng kể qua các năm. Doanh thu năm 2020 đạt gần 43.500 tỷ đồng trong đó nộp ngân sách nhà nước 600 tỷ đồng, giá trị xuất khẩu đạt 3.500 triệu USD.

Bốn là, giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, hình thành đội ngũ những người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao.

3.3.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì việc phát triển các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định, cụ thể:

Một là, quy mô nguồn vốn cho đầu tư phát triển các KCN, CCN còn hạn chế. Mặc dù quy mô nguồn vốn có tăng lên qua các năm nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu về đầu tư. Đặc biệt là nguồn vốn cho xây dựng cơ sở hạ tầng còn hạn hẹp. Mặt khác cơ cấu nguồn vốn cũng chưa được cân đối, nguồn vốn dành cho phát triển các KCN, CCN còn phụ thuộc quá nhiều vào vốn đầu tư trong nước, chưa huy động được nhiều các nguồn vốn khác thông qua các hình thức khác như hợp tác công tư (PPP), FDI,.. Bên cạnh đó do các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng chủ yếu đều từ nguồn vốn ngân sách nhà nước nên tiến độ đầu tư xây dựng còn chậm.

Hai là, cơ sở hạ tầng kỹ thuật chưa được xây dựng đồng bộ, cơ sở hạ tầng xã hội chưa được quan tâm đúng mức. Phần lớn cơ sở hạ tầng của các KCN, CCN trên địa bàn đều đã được đầu tư xây dựng cơ bản nhưng chưa đồng bộ, còn dở dang. Đặc biệt là giữa hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào và ngoài hàng rào như: Hệ thống đường giao thông ngoài hàng rào các KCN, CCN như đường gom, đường nối KCN với các trục đường giao thông chính chưa hoàn thiện. Việc đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội như nhà ở và các công trình phúc lợi xã hội cho người lao động (cơ sở khám chữa bệnh, nhà trẻ mẫu giáo, trường học, khu vui chơi giải trí...) chưa được quan tâm đúng mức.

Ba là, thu hút các dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong các KCN, CCN

còn nhỏ lẻ, thiếu tính chọn lọc. Mặc dù số dự án thu hút vào phát triển sản xuất kinh doanh tại các KCN, CCN đã tăng lên qua các năm nhưng chủ yếu là các dự án với quy mô nhỏ, ít các dự án lớn và có trình độ công nghệ cao, do đó chưa đáp ứng yêu cầu về chuyển giao công nghệ, các dự án công nghệ nguồn hay các dự án công nghiệp phụ trợ.

Bốn là, thiếu hụt nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao và chất lượng đào tạo lao động còn thấp. Vốn đầu tư phát triển nguồn nhân lực còn ít nên nguồn nhân lực được đào tạo có tay nghề và trình độ cao phục vụ cho các dự án lớn bị thiếu hụt. Bên cạnh đó việc phát triển nguồn nhân lực cũng chưa thực sự được chú trọng nên chất lượng đào tạo lao động còn chưa cao. Trong gần 43.860 lao động thì lao động nữ chiếm 30.702 người (70%), trình độ đại học, cao đẳng chiếm 5,78% còn lại hơn 90% là lao động phổ thông.

Năm là, hoạt động đầu tư bảo vệ môi trường chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Phần lớn các KCN, CCN trên địa bàn chưa có nhà máy xử lý nước thải, bên cạnh đó việc huy động các nguồn vốn cho đầu tư xử lý nước thải cũng gặp rất nhiều khó khăn. Điển hình như nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Thụy Vân được xây dựng chủ yếu từ nguồn vốn vay ODA (80%), còn lại là ngân sách địa phương, tuy nhiên tốc độ giải ngân vốn ODA chậm, vốn ngân sách còn chưa được cân đối nên thời gian xây dựng kéo dài (khởi công từ 2014 và đến năm 2018 mới đi vào hoạt động chính thức). Các KCN, CCN khác cũng chưa có nhà máy xử lý nước thải và đang trong quá trình kêu gọi đầu tư. Bên cạnh đó công tác đầu tư bảo vệ môi trường KCN, CCN của các doanh nghiệp trong KCN, CCN cũng chưa được thực hiện nghiêm chỉnh. Một số doanh nghiệp còn chưa tuân thủ nghiêm túc về pháp luật môi trường, xử lý nguồn chất thải nguy hại như dầu, mỡ, hóa chất,... chưa đúng với quy định.

4. Kết luận

Trong những năm qua, tỉnh Phú Thọ cũng đã có rất nhiều nỗ lực trong việc phát triển các KCN, CCN. Tuy nhiên, quá trình phát triển các KCN, CCN vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Trên cơ sở phân tích tình hình phát triển các KCN, CCN, làm rõ những hạn chế và nguyên nhân, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ như:

Một là, đa dạng hóa nguồn vốn cho đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng KCN, CCN. Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN, CCN trong đó phát huy tối đa các hình thức hợp tác công tư; Đầu tư xây dựng đồng bộ và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài KCN, CCN; Đầu tư xây dựng đồng bộ và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng xã hội ngoài hàng rào KCN, CCN.

Hai là, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch phát triển các KCN, CCN. Quy hoạch phát triển KCN, CCN phải gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương, vùng, lãnh thổ và quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp; Quy hoạch KCN, CCN cần phải tính đến sự phát triển bền vững của KCN, CCN; Quy hoạch ngành nghề và lĩnh vực hoạt động của KCN, CCN; Quy hoạch xây dựng đồng bộ hạ tầng trong và ngoài KCN, CCN.

Ba là, tăng cường xúc tiến đầu tư vào các KCN, CCN. Tăng cường công tác nghiên cứu thị trường và đối tác đầu tư; Nâng cao chất lượng quy hoạch và danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư; Đổi mới, đa dạng hóa các phương thức tổ chức xúc tiến đầu tư; Nâng cao chất lượng thông tin, ấn phẩm tuyên truyền đầu tư; Tăng cường hợp tác song phương và đa phương về xúc tiến đầu tư.

Bốn là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Xác định rõ phương hướng và mục tiêu đào tạo để phù hợp với nhu cầu thực tế của

các doanh nghiệp ở hiện tại và trong tương lai; Đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở đào tạo; Đa dạng hóa loại hình đào tạo; Hoàn thiện chính sách đãi ngộ người lao động.

Năm là, tăng cường đầu tư bảo vệ môi trường tại các KCN, CCN. Tập trung nâng cao chất lượng công tác thẩm định nhất là về yếu tố môi trường khi thẩm định hồ sơ thành lập KCN, CCN. Bên cạnh đó định hướng thu hút đầu tư vào KCN, CCN theo hướng ưu tiên những ngành công nghiệp sạch, ít ô nhiễm. Những dự án có cùng ngành nghề và gây ô nhiễm cao nên được bố trí vào một KCN, CCN để thuận tiện cho công tác xử lý chất thải.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ (2015-2020). Báo cáo tổng kết của Ban quản lý các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tỉnh Phú Thọ.
- [2] UNIDO (1997). Industrial Estates: Principles and Practices. Vienna.
- [3] Douglas Z. Z. (2016). Special Economic Zones: Lessons from the Global Experience. PEDL Synthesis Paper No. 1 | Special Economic Zones: Lessons from the Global Experience.
- [4] Chính phủ (2018). Nghị định 82/2018/NĐ-CP: Quy định về quản lý khu công nghiệp.
- [5] UNIDO (1995). Industrial Clusters and Networks: Case study of SME Growth and innovation. Vienna.
- [6] Chính phủ (2017). Nghị định số 68/2017/NĐ-CP về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.
- [7] Jeffrey L. Furman, Michael E. Porter, & Scott Stern (2002). The determinants of national innovative capacity. *Research Policy*, 31, 899-933.
- [8] Holländer R., Chunyou W. & Ning D. (2009). Sustainable Development of Industrial Parks. 2. University of Leipzig, Germany.
- [9] Phan Mạnh Cường (2015). Phát triển bền vững các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Luận án tiến sĩ kinh tế. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

DEVELOPMENT OF INDUSTRIAL ZONES AND INDUSTRIAL CLUSTERS IN PHU THO PROVINCE

Pham Phuong Thao¹, Nguyen Trong Tai²

¹*Faculty of Economics and Business Administration, Hung Vuong University, Phu Tho*

²*Faculty of Finance and Banking, Hanoi Open University, Hanoi*

Abstract

The establishment of industrial zones and clusters is one of the important solutions to promote industrialization, modernization and social-economic development of the country. Phu Tho was an province that built and developed early industrial zones. Over the past years, the province has also tried to run industrial zones therefore obtained some positive results. However, there are still some drawbacks of planning, synchronizing infrastructure, income of workers, wastewater treatment system,... This study is conducted to clarify the development situation of industrial zones and clusters in Phu Tho province in the period 2015-2020 and since then, pointing out the shortcomings and giving some solutions to promote the development of the industrial zones and clusters by 2025 and 2030.

Keywords: *Development, industrial zones, industrial clusters, Phu Tho.*